



**Trung tâm Tin học và  
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển  
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược  
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

## **THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 12/2020**

**1**

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 12 năm 2020 ước đạt 3,95 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 41,25 tỷ USD, tăng 2,6% so với năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 18,5 tỷ USD, giảm 0,8%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 327 triệu USD, giảm 18,2%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 8,4 tỷ USD, giảm 1,8%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 13,2 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là bốn thị trường nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam, với thị phần chiếm lần lượt là 26,7% (giá trị tăng 23,2% so với năm 2019); 25,1% (giảm 5,3%); 8,3% (giảm 0,8%) và 5,7% (giảm 0,8%).

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 12 năm 2020 đạt 2,96 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu năm 2020 đạt gần 31 tỷ USD, tăng 0,3% so với năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 24,82 tỷ USD, tăng 0,1% so với năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu của các nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu, dầu mỡ động thực vật, lúa mì, cao su, ngô, đậu tương, gỗ và sản phẩm gỗ và chăn nuôi ước tăng so với năm 2019. Song, giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản còn lại được ước tính giảm so với năm 2019.

### **DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC**

#### **1. Lúa gạo**

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 12/2020 ước đạt 443 nghìn tấn với giá trị đạt 240 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo cả năm 2020 đạt 6,15 triệu tấn và 3,07 tỷ USD, giảm 3,5% về khối lượng nhưng tăng 9,3% về giá trị so với năm 2019. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 với 32,2% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11

tháng đầu năm 2020 đạt 1,94 triệu tấn và 910,16 triệu USD, giảm 1,7% về khối lượng nhưng tăng 11,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 11 tháng đầu năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Indonesia (gấp 2,8 lần, đạt 88,3 nghìn tấn và 47,8 triệu USD) và Trung Quốc (tăng 91,6%, đạt 752,3 nghìn tấn và 431,7 triệu USD). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất trong 11 tháng đầu năm 2020 là Iraq (giảm 65,6%, đạt 90 nghìn tấn và 47,6 triệu USD). Giá gạo xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 đạt 496 USD/tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 11 tháng năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 32,5% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 32,9%; gạo nếp chiếm 29,6%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,8%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 53,7%), Cuba (chiếm 23,5%) và Hàn Quốc (chiếm 7,7%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Bờ Biển Ngà (chiếm 31,8%), Ghana (chiếm 12,8%) và Philippin (chiếm 11,3%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 87,9%), Indonesia (chiếm 2,8%), và Philippin (chiếm 2,8%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Papua New Guinea (chiếm 16,7%), Đảo quốc Solomon (chiếm 9,2%), và Trung Quốc (chiếm 8,1%).

2

Trong tháng 12/2020, giá gạo 5% tấm của Việt Nam có xu hướng giảm đột ngột vào đầu tháng và tăng mạnh trở lại từ giữa tháng. Vào đầu tháng 12/2020, giá gạo giảm đột ngột từ 498 USD/tấn xuống 480 USD/tấn, do các thương nhân xả hàng làm rỗng kho để chờ thu mua vụ Đông xuân sắp tới. Tuy nhiên, giá đã tăng mạnh trở lại sau đó, nguyên nhân chính là do sự thiếu hụt container chuyên chở vào cuối năm nên chi phí vận chuyển tăng mạnh. Giá gạo Thái Lan và Ấn Độ cũng tăng lên trong tháng. Cụ thể, Thái Lan tăng từ 498 USD/tấn từ đầu tháng lên 510 USD/tấn; Ấn Độ tăng từ 378 USD/tấn lên 383 USD/tấn. Nguyên nhân chính cũng bắt nguồn từ hiện tượng phí vận chuyển tăng cao vào cuối năm như trên.

Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng trong tháng cuối cùng của năm 2020. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 300 đồng/kg lên mức 6.500 đồng/kg; lúa OM 2514 tăng 300 đồng/kg lên 6.500 đồng/kg; lúa gạo thường ở mức 10.500 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 200 đồng/kg lên 7.200 – 7.300 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 300 đồng/kg lên mức 7.300 – 7.700 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 200 đồng/kg lên 7.400 – 7.600 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tươi tăng 800 đồng/kg lên 6.800 đồng/kg; lúa khô tăng 200 đồng/kg lên 7.000 đồng/kg; lúa hạt dài tươi tăng 700 đồng/kg lên 7.000 đồng/kg, lúa khô tăng 300 đồng/kg lên mức 7.600 đồng/kg.

Nhìn lại cả năm 2020, giá lúa, gạo tại thị trường ĐBSCL biến động theo chiều hướng tăng, với giá lúa thường tăng khoảng 1.500 – 2.000 đồng/kg; lúa chất lượng cao

tăng khoảng 1.000 – 1.200 đồng/kg, tùy từng thời điểm và mùa vụ. Giá lúa sứt giảm thấp nhất vào khoảng tháng 2 do nguồn cung thu hoạch vụ Đông Xuân dồi dào và nhu cầu tiêu thụ yếu.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Tại thị trường nội địa, dự kiến tháng 1/2021 giá gạo tiếp tục giữ vững ở mức cao do nhu cầu mua đều và đặc biệt là nhu cầu từ kho gạo chợ làm hàng Tết. (2) Sau kì nghỉ lễ dài, các hợp đồng giao dịch xuất khẩu còn chưa ký kết nhiều.

## 2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 12 năm 2020 ước đạt 265 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả cả năm 2020 đạt 3,26 tỷ USD, giảm 13% so với năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 với 56,6% thị phần. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,69 tỷ USD, giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2019. Tiếp đến là thị trường Hoa Kỳ đạt 152,5 triệu USD (chiếm 5,1%, tăng 10,7%); Thái Lan đạt 149,1 triệu USD (chiếm 5%, tăng 141,5%); Hàn Quốc đạt 133 triệu USD (chiếm 4,4%, tăng 11,1%); Nhật Bản đạt 118,2 triệu USD (chiếm 3,9%, tăng 5,1%);

3

Trong 11 tháng đầu năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là thị trường Lào (giảm 34,8%). Giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 35,6% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 1,1 tỷ USD, giảm 9,8%; chuối đạt 159,7 triệu USD (chiếm 5,3%, giảm 13,1%); chanh đạt 131,4 triệu USD (chiếm 4,4%, giảm 0,7%); sầu riêng đạt 113,9 triệu USD (chiếm 3,8%, giảm 56%); vải đạt 37,5 triệu USD (chiếm 1,3%, giảm 21,7%), dưa hấu đạt 36,5 triệu USD (chiếm 1,2%, giảm 35,8%), ...

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 12/2020 ước đạt 130 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu năm 2020 đạt 1,29 tỷ USD, giảm 27,5% so với năm 2019. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ôxtrâyliya là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020, với kim ngạch nhập khẩu lần lượt là: 318,2 triệu USD (giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2019); 267,8 triệu USD (tăng 2,3%) và 101,6 triệu USD (giảm 1,2%).

Trong tháng 12/2020, thị trường nhiều loại trái cây biến động. Cụ thể: (i) giá sầu riêng tại vùng chuyên canh tỉnh Tiền Giang tăng mạnh, cao gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước và đạt kỷ lục từ trước đến nay. Thương lái mua sầu riêng với giá từ 100.000 - 120.000 đồng/kg, tùy theo chất lượng quả và địa bàn gần xa. Nguyên nhân là do thời điểm này vùng chuyên canh sầu riêng đang vào vụ nghịch nhưng đa phần vườn sầu riêng bị ảnh hưởng đợt hạn hán và xâm nhập mặn trong mùa khô 2020 vừa qua nên chưa hồi phục, gây thiếu nguồn cung sầu riêng trên thị trường; (ii) Thời điểm tháng 12/2020 cũng là thời điểm thu hoạch cam các loại, giá cam giảm mạnh do nguồn cung lớn trong khi

nhu cầu không có sự đột biến. Tại một số tỉnh như Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang... giá cam Vinh tại chợ chỉ 5.000 đồng/kg; (iii) Theo nhiều thương lái tại địa phương, giá thanh long trong gần một tháng qua biến động mạnh. Cụ thể, đầu tháng 11 giá thanh long ở mức 18.000 - 22.000 đồng/kg, đến giữa tháng 11 giá chỉ còn dưới 15.000 đồng/kg. Đến giữa tháng 12, giá thanh long có giảm do nguồn cung trên thị trường dồi dào và nhu cầu xuất khẩu giảm.

Giá một số rau củ tại Lâm Đồng không có biến động nhiều so với tháng trước do nguồn cung tương đối ổn định. Tuy nhiên, ớt gần đây tại Lâm Đồng cũng như các tỉnh khác giá lại tăng cao khi nhu cầu tăng mạnh trong khi nguồn cung hạn chế bởi một số tỉnh trồng loại quả này bị triều cường và mưa lớn.

**Một số nhận định và dự báo:** Nhìn lại năm 2020, thị trường rau quả trong nước có nhiều biến động do bị tác động của điều kiện thời tiết như hạn hán, ngập mặn, lũ lụt... và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, song ngành hàng rau quả vẫn được xem là một trong các ngành hàng nông sản xuất khẩu có nhiều triển vọng.

### 3. Sắn

Khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 12 năm 2020 ước đạt 330 nghìn tấn với giá trị đạt 118 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn cả năm 2020 ước đạt 2,76 triệu tấn và 989 triệu USD, tăng 9% về khối lượng và tăng 2,4% về giá trị so với năm 2019. Giá xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn bình quân năm 2020 ước đạt 358,3 USD/tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu thị trường, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất với tổng lượng xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sang Trung Quốc đạt 1,9 triệu tấn, tương đương với 772 triệu USD, tăng 11,5% về sản lượng và tăng 2,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đài Loan, Malaysia cũng là 2 thị trường tăng trưởng mạnh nhập khẩu sắn và sản phẩm sắn của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020, với mức tăng trưởng về giá trị xuất khẩu lần lượt là 15% và 3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu sản phẩm: (i) Mặt hàng sắn lát, xuất khẩu cả năm 2020 ước đạt 640 nghìn tấn, tương đương 139 triệu USD, tăng 60% về lượng và 75% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu sắn lát bình quân 12 tháng ở mức 217 USD/tấn, tăng 10% so với mức giá 198 USD/tấn của cùng kỳ năm trước. (ii) Mặt hàng tinh bột sắn, xuất khẩu năm 2020 ước đạt 2,1 triệu tấn với giá trị 850 triệu USD, giảm 1% về lượng và giảm 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sắn đạt 401 USD/tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu sắn lát sang Trung Quốc tiếp tục tăng về lượng trong tháng 11, đạt 36,3 nghìn tấn, tăng 36% so với tháng 10 năm 2020; giá trị xuất khẩu đạt 6 triệu USD giảm 9% do giá xuất khẩu sắn lát trong tháng 11 giảm. Nhìn chung, bất chấp tác động

của dịch Covid-19 thì xuất khẩu sản lát 11 tháng đầu năm sang Trung Quốc đã đạt con số đáng kinh ngạc tương đương 101,5 triệu USD, trong khi cùng kỳ năm ngoái giá trị xuất khẩu chỉ đạt 55,4 triệu USD. Hiện thị trường ngô Trung Quốc đang tăng giá tại một số tỉnh và cảng do điều kiện thời tiết xấu đã ảnh hưởng đến tiến độ sấy ngô vụ mới và cản trở việc vận chuyển ngô khiến nguồn cung khan hiếm, cùng với đó tiêu thụ còn tại Trung Quốc trong dịp lễ tết cuối năm tăng cao sẽ đẩy xuất khẩu sản lát tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Xuất khẩu tinh bột sắn vẫn đang trên đà tăng trong tháng 11 năm 2020. Lượng xuất khẩu ở mức 225,4 nghìn tấn, với giá trị 93,2 triệu USD, tăng 24% về lượng và 25% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. Giá xuất khẩu tinh bột sắn vẫn tiếp tục tăng nhẹ lên 414 USD/tấn, tăng 1% so với tháng trước. Hiện Trung Quốc đang ưu tiên nhận các hợp đồng còn lại, những hợp đồng kí mới vẫn ít nên khả năng trong tháng 12 lượng tinh bột sắn từ miền Trung và miền Nam đi theo đường biển sẽ giảm lại.

Trên thị trường thế giới, giá sắn và sản phẩm sắn cũng đang biến động tăng ở một số nước sản xuất chính. Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan đã điều chỉnh tăng giá sản xuất khẩu tinh bột sắn tháng 12 lên mức 475 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với tháng 11/2020. Trong khi giá thu mua tinh bột sắn cũng được điều chỉnh lên mức 13,5 Baht/kg, tăng 0,1 Baht/kg so với tháng trước.

Tại thị trường trong nước, các nhà máy tại Tây Ninh giảm giá thu mua sắn, giá sắn nguyên liệu phổ biến quanh mức 2.900 đồng/kg, giảm nhẹ so với tháng trước. Giá sản lát điều chỉnh giảm về mức 5.100-5.400 đồng/kg so với mức 5.300-5.600 đồng/kg của tháng trước. Giá tinh bột sắn thành phẩm tại Tây Ninh cũng giảm nhẹ, cao nhất 10.600 đồng/kg đối với hàng nội địa do giá xuất khẩu biên mậu/chính ngạch được điều chỉnh giảm.

**Một số nhận định và dự báo:** Những tác động của dịch Covid-19 trong đầu năm 2020 đã khiến ngành sắn Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn đã lấy lại đà tăng trưởng sau khi dịch bệnh được kiểm soát và trở thành một trong số ít mặt hàng nông sản có giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng dương. Dự báo đến hết năm 2020, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt do được hậu thuẫn bởi yếu tố nhu cầu tại thị trường Trung Quốc tăng cao và nguồn cung trong nước chưa dồi dào.

#### 4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 12 năm 2020 ước đạt 85 nghìn tấn với giá trị đạt 170 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê cả năm 2020 đạt 1,51 triệu tấn và 2,66 tỷ USD, giảm 8,8% về khối lượng và giảm 7,2% về giá trị so với năm 2019. Đức, Hoa Kỳ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 11

tháng đầu năm 2020 với thị phần lần lượt là 12,8% (đạt 319,2 triệu USD), 9,3% (đạt 230,6 triệu USD) và 8,4% (đạt 208,2 triệu USD). Trong 11 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Ba Lan (tăng 35,6%, đạt 36,5 triệu USD), Nhật Bản (tăng 15,4%, đạt 170,3 triệu USD) và Malaysia (tăng 15,2%, đạt 65,3 triệu USD). Ngược lại, giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (giảm 36,5%, đạt 46,4 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1.744,3 USD/tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tháng 12/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 2.000 USD/tấn, tăng 3,9% so với tháng 11/2020 và tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cà phê xuất khẩu bình quân cả năm 2020 ước đạt 1.759 USD/tấn, tăng 1,8% so với năm 2019.

Trong tháng 12/2020, giá cà phê thế giới trên các sàn phái sinh biến động trái chiều. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 1/2021 thị trường London giảm 39 USD/tấn xuống còn 1.362 USD/tấn. Giá cà phê giảm khi phần lớn giới đầu cơ tiếp tục thể hiện sự thận trọng trước tin tức tiêu cực của kinh tế thế giới do đại dịch Covid-19 gây ra và trong bối cảnh chờ đợi được cung cấp vắc xin. Trong khi đó, tại New York, giá cà phê Arabica giao tháng 12/2020 tiếp tục tăng trưởng và tăng hơn 9% so với tháng trước, duy trì tại mức 2.796 USD/tấn.

6

Nhìn lại cả năm 2020, giá cà phê trong nước biến động giảm trong 6 tháng đầu năm và có xu hướng tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm. So với thời điểm cuối năm 2019, giá cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ 500 đồng/kg. Tuy nhiên, giá lại giảm 100 – 200 đồng/kg so với tháng 11/2020, hiện giá thu mua đang ở mức 32.500 – 32.900 đồng/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Giá cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh ổn định tại ngưỡng 34.500 đồng/kg. Vụ cà phê năm nay của Việt Nam bị mất mùa và thu hoạch trễ hơn so với các năm trước nên chưa tạo áp lực lên thị trường. Theo đó, vụ mùa năm nay, kỹ thuật thu hái và phơi sấy sau thu hoạch đã được quan tâm nhiều hơn, tạo động lực đẩy giá cà phê đi lên.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Tồn kho cà phê tại các kho cảng trên thế giới đã giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua là tín hiệu lạc quan cho thấy thị trường xuất khẩu cà phê sẽ cải thiện trong năm 2021. Các thị trường nhập khẩu cà phê lớn của Việt Nam đều gặp thiệt hại lớn vì dịch Covid-19 và tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao, tăng cường nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà. Cùng với thông tin thử nghiệm vaccine, sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu tăng lên, dự báo xuất khẩu cà phê sẽ có nhiều tín hiệu lạc quan trong những tháng đầu năm 2021; (2) Xuất khẩu Robusta khả năng tiếp tục tăng cao khi nhu cầu cà phê hòa tan tại nhà nhiều hơn trong bối cảnh các nước áp đặt các biện pháp hạn chế tiếp xúc để ngăn chặn dịch Covid 19.

## 5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 12 năm 2020 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 20 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 12 tháng đầu năm 2020 đạt 137 nghìn tấn và 220 triệu USD, giảm 0,4% về khối lượng và giảm 6,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân 11 tháng năm 2020 đạt 1.615 USD/tấn, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 11 tháng đầu năm 2020, Pakistan đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam với 37,9% thị phần – giảm 7,3% về khối lượng và giảm 10,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường có giá trị xuất khẩu chè tăng mạnh nhất trong 11 tháng đầu năm 2020 là Ấn Độ với mức tăng gấp 4 lần.

Tại thị trường thế giới, giá chè tiếp tục đi xuống ở các thị trường lớn trong tháng cuối năm. Tại Ấn Độ, giá chè đã giảm xuống mức thấp nhất trong sáu tháng cuối năm 2020 tại phiên bán đấu giá tuần 50 của Hiệp hội Thương mại Trà Coonoor (CTTA), Ấn Độ. Giá trung bình giảm xuống còn 1.470 USD/tấn - thấp nhất kể từ ngày 12/6. Tại cuộc đấu giá hàng tuần của Mombasa, giá trung bình mỗi kg tiếp tục giao dịch dưới mốc 2 USD trong 16 tuần qua. Giá thấp do sự gián đoạn thị trường xuất khẩu toàn cầu, khiến một số quốc gia tiêu thụ như Pakistan rơi vào tình trạng bế tắc vì đại dịch Covid-19. Điều này dẫn đến tình trạng cung vượt cầu, khiến giá giảm. Nhu cầu giảm trong thời kỳ đại dịch trong bối cảnh sản lượng cao, nguồn cung và sự cạnh tranh từ các thị trường như Sri Lanka và Ấn Độ, những nhà sản xuất chè hàng đầu thế giới, càng làm tăng thêm áp lực lên chè Kê-ni-a. Năm 2020, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến nhu cầu và giá chè trên thị trường thế giới, ở cả các quốc gia có nguồn cung thâm hụt như Ấn Độ hay quốc gia dư cung như Kê-ni-a.

Thị trường chè nguyên liệu trong nước tháng cuối năm tương đối ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành 9.800 đ/kg, chè hạt tặng nhẹ 100 đ/kg lên 7.600 đ/kg. Thời điểm này, các hộ trồng chè cũng như cơ sở kinh doanh đang đẩy mạnh sản xuất nhằm phục vụ thị trường dịp Tết Nguyên đán.

Nhìn chung năm 2020, đại dịch Covid-19 tác động lên thị trường chè toàn cầu khiến xuất khẩu chè của Việt Nam gặp khó khăn, nhu cầu giảm khiến giá chè nguyên liệu xuất khẩu có xu hướng giảm theo. Về nguồn cung, do kiểm soát dịch tốt, sau thời gian giãn cách xã hội, hoạt động sản xuất chè tại Việt Nam đã trở lại bình thường, giá chè tại thị trường trong nước không bị ảnh hưởng nặng nề. Thị trường chè được dự báo sẽ không có biến động mạnh do nguồn cung tương đối ổn định nhằm phục vụ nhu cầu trong dịp ngày lễ này.

**Một số nhận định và dự báo:** Triển vọng xuất khẩu chè trong năm 2021 vẫn chưa có nhiều dấu hiệu khả quan, bởi dịch Covid-19 vẫn diễn biến khó lường, sản lượng chè tại các nước sản xuất chính tăng nhờ thời tiết thuận lợi như Ấn Độ và Kê-ni-a, trong khi nhu cầu vẫn chưa được cải thiện. Xu hướng xuất khẩu tiếp tục âm đạm nếu tình hình dịch Covid-19 vẫn chưa được khống chế.

## 6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 12/2020 ước đạt 23 nghìn tấn với giá trị đạt 62 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu cả năm 2020 đạt 288 nghìn tấn và 666 triệu USD, tăng 1,2% về khối lượng nhưng lại giảm 6,8% về giá trị so với năm 2019. Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 là Hoa Kỳ, Đức và Tiểu vương quốc Ảrập Thống Nhất chiếm 30,7% thị phần tổng giá trị xuất khẩu tiêu. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất trong 11 tháng đầu năm 2020 là Philippines (+18,9%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu giảm mạnh nhất là Ấn Độ (giảm 43%). Giá tiêu xuất khẩu bình quân 11 tháng năm 2020 đạt 2.280,2 USD/tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2019.

8

Tại thị trường EU, xuất khẩu tháng 11/2020 đạt 1,8 nghìn tấn tương đương 5,8 triệu USD, giảm 26% về lượng và 19% về giá trị so với tháng 10/2020. So với cùng kì năm 2019 thì giảm 4% về lượng nhưng tăng 10% về giá trị. Tính chung cả 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang EU đạt 27,9 nghìn tấn với giá trị 76,7 triệu USD tăng 2% về lượng nhưng giảm 6% về giá trị so với cùng kì năm ngoái. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU trong tháng 11 đã có sự khả quan hơn khi đạt mức 3.135 USD/tấn, tăng 9% so với tháng trước và tăng 14% so với cùng kì năm ngoái. Tuy nhiên, chịu áp lực từ giá thế giới giảm sâu trong những tháng trước đây do yếu tố dư cung kéo dài nên giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam chỉ đạt 2.750 USD/tấn, giảm 8% so với cùng kì năm 2019. Phân khúc nhà hàng, khách sạn ở Châu Âu tiêu thụ rất nhiều hồ tiêu của Việt Nam, nhưng hiện tại Châu Âu đang đối mặt với làn sóng Covid thứ 2 và trở thành tâm dịch thế giới nên phân khúc này cũng đang bị ảnh hưởng mạnh. Lệnh giới nghiêm được lựa chọn để triển khai tại nhiều nước như : Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha... theo từng khu vực và đóng cửa quán bar hay nhà hàng được cho là nơi có nguy cơ lây nhiễm cao.

Trên thị trường thế giới, giá hồ tiêu xuất khẩu ổn định ở Malaysia và Brazil, nhưng tăng hầu hết ở các nước sản xuất khác như Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam. Tại cảng Kuching của Malaysia, giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu đến giữa tháng 12/2020 ổn định ở mức 3.675 USD/tấn và 4.900 USD/tấn. Trong khi đó, giá tiêu đen xuất khẩu tại cảng Kochi của Ấn Độ tăng nhẹ 0,33% lên mức 4.821 USD/tấn.



Trong khi đó, thị trường hạt tiêu trong nước tháng 12/2020 biến động giảm. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu giảm 2.500 đ/kg xuống mức 56.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đắc Lắc, Đắc Nông giảm 2.500 đ/kg xuống 54.500 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 3.000 đ/kg xuống 52.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm 3.500 đ/kg xuống 53.000 đ/kg. Tính cả năm 2020, giá tiêu trong nước có xu hướng giảm trong quý I/2020 và tăng từ quý II/2020. So với cuối năm 2019, giá tiêu trong nước tăng từ 13.000 – 14.000 đ/kg. Giá tiêu tăng do nhu cầu tăng dần, trong khi nguồn cung có xu hướng giảm.

**Một số nhận định và dự báo:** Hiện dịch Covid-19 đang khiến mọi hoạt động kinh tế, lễ hội của các nước trên thế giới trong cuối năm 2020 bị tê liệt và khả năng vẫn kéo dài sang đầu năm 2021. Dự báo xuất khẩu tiêu của Việt Nam trong ngắn hạn sẽ trầm lắng khi thiếu các yếu tố hỗ trợ. Bên cạnh đó, thời điểm giáp tết Nguyên Đán cũng là lúc Việt Nam bước vào vụ thu hoạch nên giá xuất khẩu tiêu nhiều khả năng sẽ giảm xuống.

## 7. Điều

9 Trong tháng 12/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 47 nghìn tấn với giá trị 280 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 12 tháng đầu năm 2020 đạt 511 nghìn tấn và 3,2 tỷ USD, tăng 12,1% về khối lượng nhưng giảm 3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm, chiếm thị phần lần lượt là 31,5%, 15,6% và 12,4% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật tăng 62,5%, ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha giảm 29%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 đạt 6.274 USD/tấn, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 12/2020 ước đạt 145 nghìn tấn với giá trị đạt 179 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 12 tháng đầu năm 2020 đạt 1,47 triệu tấn và 1,8 tỷ USD, giảm 10% về khối lượng và giảm 17% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 10 năm 2020 là Bờ Biển Ngà, Campuchia và Gana. Giá trị hạt điều nhập khẩu từ 3 thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, với mức giảm lần lượt là 19,3%, 7,9% và 22,6%.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động giảm trong tháng qua. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước trong tháng có lúc tăng lên 32.000 đồng/kg, song sau đó giảm trở lại mức 30.000 đồng/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giảm từ 30.000 đồng/kg xuống 29.000 đồng/kg.

Trên thị trường thế giới, Ấn Độ, hạt điều W320 hút khách với mức giá 9.790USD/tấn nhưng nhiều người mua yêu cầu mức giá tương tự đối với các loại điều vỡ. Giá hạt điều Double Jumbo Half (W180 và W210) vào khoảng 9.520 USD/tấn và đối với hạt điều Premium Jumbo King Pieces (lớn hơn 1/4) ở mức 8.160 USD/tấn. Giá hạt điều DP đã tăng gần 50% trong tháng 12. Tuy nhiên, hạt điều BB nhỏ hơn không có người mua.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Từ năm 2021, EU sẽ áp dụng quy định mới cho các sản phẩm hữu cơ đối với hạt, ngũ cốc nhập khẩu. Điểm quan trọng trong bộ quy tắc mới này EU không chỉ kiểm soát việc sử dụng thuốc trừ sâu trong các sản phẩm, mà còn liên quan đến các vấn đề quản lý đất và sản xuất thực phẩm. EU sẽ không chấp nhận các tiêu chuẩn hữu cơ khác nhau được công nhận là tương đương với các tiêu chuẩn của EU mà thay vào đó, các nhà sản xuất hữu cơ phải áp dụng một bộ quy tắc mới của EU thay thế các quy tắc tương đương. Các nhà sản xuất cần lưu ý để nắm chắc và đáp ứng yêu cầu theo quy định mới. (2) Dự báo triển vọng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong thời gian tới sẽ khả quan hơn nhờ các Hiệp định thương mại tự do. Cùng với Hiệp định EVFTA đi vào thực thi, Biên bản ghi nhớ kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) được ký kết, mở ra cơ hội xuất khẩu cho nhiều sản phẩm chủ lực của Việt Nam, trong đó có mặt hàng hạt điều. Ưu đãi về thuế quan với hơn 99% dòng thuế xuất khẩu sang Anh được xóa bỏ trong vòng 6 năm kể từ khi UKVFTA đi vào thực thi và thuận lợi thương mại sẽ tạo điều kiện cho mặt hàng hạt điều của Việt Nam. (3) Giá điều nhân dự kiến có xu hướng tăng, vì lượng cung điều nhân ở Việt Nam không nhiều trong khi giá mua điều thô vẫn đang cao không cân đối được với giá điều nhân, nên các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập điều thô.

10

## 8. Cao su

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 12 năm 2020 đạt 225 nghìn tấn với giá trị 358 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su cả năm 2020 đạt 1,75 triệu tấn và 2,38 tỷ USD, tăng 2,8% về khối lượng và tăng 3,5% về giá trị so với năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1.328,1 USD/tấn, giảm 1,53% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 76,8%, 3,7% và 2,1%.

Trong khi đó, khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 12/2020 ước đạt 150 nghìn tấn với giá trị 200 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu năm 2020 đạt 1,1 triệu tấn và 1,43 tỷ USD, tăng 45,1% về khối lượng và tăng 17,2% về giá trị so với năm 2019. Campuchia (chiếm thị phần 26,4%), Hàn Quốc (14,9%), Nhật Bản (10,4%) là ba thị trường cung cấp cao su nhập khẩu chính cho Việt Nam. So với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu cao su từ thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản giảm lần lượt 11,4% và 11,7%, trong khi nhập khẩu từ Campuchia tăng 139,5%.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước tháng 12/2020 diễn biến giảm cùng với xu thế trên thị trường thế giới. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước giảm 20 đồng/kg xuống 320 đồng/độ, mủ cao su giữ ở mức 12.000 đồng/kg. Giá mủ tại Đồng Nai giảm 1000 đồng/kg xuống 12.000 đồng/kg.

Giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) giảm trở lại trong nửa đầu tháng 12, sau khi đạt mức cao kỷ lục vào tháng 11. Giá cao su giảm do không chắc chắn về gói kích thích kinh tế mới ở Mỹ và các ca mắc mới Covid-19 vẫn không ngừng tăng tại Mỹ và châu Âu gây áp lực tâm lý lên thị trường. Kết thúc phiên giao dịch 11/12, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 5/2021 đạt 229,9 yên/kg, giảm 20,2 yên (tương đương 8,8%) so với phiên cuối tháng 11. Tuy nhiên, khi triển vọng gói kích thích kinh tế Mỹ sáng sủa hơn, giá cao su tăng nhẹ, đạt mức 244 yên/kg.

Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến giảm trái chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 16/12 ở mức 2,31 USD/kg, giảm 0,19 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,60 USD/kg, giảm 0,06 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,58 USD/kg, giảm 0,08 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,59 USD/kg, giảm 0,08 USD/kg so với ngày 2/12.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Nhu cầu đối với cao su trong thời gian tới sẽ ngày càng tăng do dự báo nền kinh tế Trung Quốc - nước tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới - sẽ tiếp tục cải thiện, nhất là vào năm 2021, từ đó đẩy nhu cầu cao su thiên nhiên tăng theo, trong khi nguồn cung có thể bị gián đoạn do yếu tố thời tiết. Dự báo nhu cầu đối với cao su sẽ tăng khi các hãng ô tô đẩy tăng sản lượng. Tiêu thụ ô tô ở Trung Quốc đã tăng 13% trong tháng 9/2020 so với cùng kỳ năm 2019. Hãng Nissan Motor Co. có kế hoạch đẩy tăng sản lượng ở Trung Quốc thêm khoảng 30% vào năm 2021, theo báo Yomiuri. Trung Quốc đang nổi lên trở thành điểm sáng của ngành ô tô, giữa bối cảnh đại dịch Covid-19 làm giảm nhu cầu ở Mỹ và Châu Âu. (2) Triển vọng giá vẫn khả quan do ngành ô tô thế giới hồi phục và kinh tế Trung Quốc dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt. Nhu cầu cao su ở Trung Quốc đã tăng nhanh sau khi các chính quyền địa phương bắt đầu kích thích sử dụng xe ô tô nhỏ, từ đó thúc đẩy các hãng sản xuất lốp xe tăng sản lượng gấp 3 lần. (3) Trong báo cáo mới nhất vừa công bố giữa tháng 10, Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) đã nâng dự báo tiêu thụ cao su toàn cầu năm 2020 thêm 67.000 tấn lên 12,611 triệu tấn, mặc dù con số đó vẫn thấp hơn 8,4% so với năm 2019. Lý do điều chỉnh tăng bởi nhận định lạc quan hơn về thị trường Trung Quốc sau những số liệu kinh tế mới công bố gần đây. Dự báo Trung Quốc sẽ tiêu thụ 1,38 triệu tấn cao su trong quý IV/2020, gần sát mức 1,40 tấn của cùng kỳ năm trước; và tổng khối lượng cao su nhập khẩu vào nước này trong năm 2020 sẽ tăng 1,6% so với năm 2019; tiêu thụ ở Ấn Độ cũng sẽ tăng theo đà hồi phục kinh tế sau giai đoạn phong tỏa. (4) ANRPC nhận định, sản xuất cao su thiên nhiên năm nay gặp khó khăn do dịch bệnh làm khan hiếm nhân lực lao động và gây khó khăn cho việc vận chuyển, khiến sản lượng cao su thiên nhiên thế giới giảm 8,7% trong 8 tháng đầu năm 2020, xuống 7,778 triệu tấn, và dự báo sẽ giảm tiếp 3% trong 4 tháng còn lại của năm 2020. ANRPC dự báo sản lượng cả năm 2020 sẽ giảm 6,8% so với năm 2019, xuống 12,901 triệu tấn, chủ yếu do

sự sụt giảm ở Thái Lan và Ấn Độ, trong đó riêng của Thái Lan sẽ giảm 332.000 tấn, xuống 4,478 triệu tấn. Cơ quan Quản lý Cao su Thái Lan (RAoT - The Rubber Authority of Thailand) dự báo sản lượng cao su nước này năm nay cũng sẽ giảm khoảng 10% so với bình thường do khu vực miền nam nước này bị mưa triền miên. Đối với Trung Quốc, sản lượng cao su ở nước này có thể giảm 30% trong năm 2020 so với năm trước do những trận bão lớn ở đảo Hải Nam và hạn hán ở Vân Nam làm thiệt hại nghiêm trọng tới cây cao su.

## 9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 12 năm 2020 ước đạt 31 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi cả năm 2020 ước đạt 327 triệu USD, giảm 18,2% so với năm 2019. Trong 11 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 88,28 triệu USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt động vật đạt 84,71 triệu USD, giảm 45% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 65,38 triệu USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2019.

Tại thị trường thế giới, trong tháng qua, số ca nhiễm Covid-19 tăng cao trên khắp nước Mỹ dẫn đến nhiều nhà hàng và dịch vụ ăn uống có nguy cơ phải đóng cửa, nhiều người Mỹ có thể phải ở nhà kéo theo nhu cầu đối với thịt bò và thịt lợn giảm, khiến giá thịt lợn giảm. Giá lợn nạc giao tháng 2/2021 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 2,7755 UScent/lb (~1416 đ/kg) xuống còn 65,8 UScent/lb (~33.561 đ/kg).

Tại thị trường trong nước, trong tháng 12/2020, giá lợn hơi tăng nhẹ tại một số vùng trên cả nước. Cụ thể, giá lợn hơi tại miền Bắc tăng 2.000 – 4.000 đ/kg so với tháng trước và dao động trong khoảng 68.000 - 74.000 đ/kg. Mức giá cao nhất được ghi nhận là tại Bắc Giang và Tuyên Quang, lần lượt là 70.000 đ/kg và 72.000 đ/kg, giá tại Nam Định và Thái Nguyên cùng ở mức 69.000 đ/kg, thấp nhất là Hà Nam và Ninh Bình cùng ở mức 68.000 đ/kg. Trong khi đó, tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, giá thu mua lợn hơi tăng nhẹ hơn, chỉ tăng 1.000 đ/kg so với tháng trước, và hiện dao động trong khoảng 67.000 - 72.000 đ/kg. Trong đó, mức giá cao nhất là tại Quảng Nam 72.000 đ/kg, tiếp đến là các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và Khánh Hòa với khoảng giá từ 70.000 – 71.000 đ/kg. Hai tỉnh Bình Thuận và Quảng Trị cùng ghi nhận mức 69.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam được giao dịch trong khoảng 68.000 - 70.000 đ/kg, tăng 2.000 – 3.000 đ/kg so với tháng trước. Giá lợn hơi ghi nhận tại Sóc Trăng, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Tiền Giang và Trà Vinh cùng ở mức 70.000 đ/kg. Tại Đồng Tháp, giá lợn hơi thấp hơn một chút so với các tỉnh trên, ở mức 69.000 đ/kg, và Bình Phước có mức giá thấp nhất trong khu vực là 68.000 đ/kg.

Nhìn chung trong cả năm 2020, giá lợn hơi trong nước có xu hướng tăng trong 6 tháng đầu năm và giảm vào những tháng gần cuối năm. So với cuối năm 2019, giá lợn hơi hiện đã giảm 12.000 – 16.000 đ/kg.

Ngược lại với biến động của thịt lợn, giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại biến động giảm tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc giảm 5.000 – 11.000 đ/kg xuống còn 35.000 – 45.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung giảm 2.000 đ/kg xuống 30.000 – 33.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 5.000 – 7.000 đ/kg xuống mức 25.000 – 26.000 đ/kg. Giá trứng gà miền Bắc giảm 100 - 200 đ/quả xuống 1.400 – 1.700 đ/quả. Giá trứng gà miền Trung giảm 200 đ/quả xuống còn 1.400 – 1.800 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ 50 đ/quả, hiện ở mức 1.450 – 1.650 đ/quả. Giá các sản phẩm gia cầm có xu hướng giảm do nguồn cung tăng.

## 10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 12 năm 2020 ước đạt 700 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản cả năm 2020 đạt gần 8,4 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2019. Theo Tổng cục hải quan, xuất khẩu thủy sản tháng 11 đạt 742,18 triệu USD đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 11 tháng 2020 đạt 7,68 tỷ USD giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020, chiếm 59,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ 11 tháng 2020 đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2019, Trung Quốc đạt 1,48 tỷ USD, tăng 3,4%; EU đạt 900 triệu USD, giảm 3,8%.

Trong 11 tháng đầu năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Nga tăng 25,6%. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản giảm mạnh nhất là Thái Lan giảm 16,3%.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 12/2020 đạt 160 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu năm 2020 đạt gần 1,76 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 11 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 13,5%), Na Uy (11%), Nhật Bản (9,2%). So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 từ Ấn Độ tăng 20,8%, Nhật Bản tăng 20%, trong khi nhập khẩu từ Na Uy giảm 9,8%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 10/2020 tại Mỹ là 2,65 USD/kg, giảm 1,11% so với tháng 9/2020 và thấp hơn 13,11% so với cùng tháng năm 2019. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 10/2020 đạt 8,8 USD/kg, tăng 1,38% so với tháng 9/2020 và thấp hơn 0,45% so với cùng tháng năm 2019.

Năm 2020 được dự báo sẽ tương đối tích cực hơn đối với ngành thủy sản so với năm 2019, nhưng sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 đã làm đảo lộn nhiều dự báo trước đó. Nguồn cung cá, tiêu thụ và doanh thu thương mại đều được dự kiến sẽ giảm trong năm nay do tác động của các biện pháp ngăn chặn đại dịch đối với nhu cầu, hậu cần, giá cả, lao động và kế hoạch kinh doanh. Sản lượng nuôi trồng thủy sản toàn cầu hiện dự kiến sẽ giảm lần đầu tiên sau nhiều năm, mức giảm khoảng 1,3%. Sản lượng khai thác thủy sản tự nhiên trên toàn cầu cũng dự kiến sẽ giảm nhẹ vào năm 2020, vì nhìn chung, nỗ lực đánh bắt giảm do các hạn chế liên quan đến Covid-19 đối với thuyền viên tàu cá và điều kiện thị trường kém. Các tác động đến thị trường của đại dịch đã mang lại một số thay đổi sâu rộng, nhiều thay đổi có khả năng tồn tại lâu dài. Giá tổng hợp cho năm 2020, được đo bằng Chỉ số giá thủy sản, giảm so với cùng kỳ năm trước đối với hầu hết các loài được giao dịch.

Tại thị trường trong nước, sau hơn một tháng tăng, giá cá tra trong nửa đầu tháng 12 đã giảm trở lại do những ngày gần đây, nhiều doanh nghiệp đã tạm thời giảm thu mua cá tra nguyên liệu ngoài do đầu ra xuất khẩu đang chậm lại, ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng dao động quanh mức 19.000-20.000 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con), giảm 2.500 đ/kg so với tháng trước. Xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc thời gian gần đây có gặp khó khăn hơn so với trước do cơ quan thẩm quyền Trung Quốc đã tăng cường kiểm soát đối với thủy sản đông lạnh nhập khẩu từ các nước, trong đó có Việt Nam nhằm phòng chống dịch Covid-19.

Thị trường tôm nguyên liệu tại vùng ĐBSCL vẫn vững giá khi nguồn cung hạn chế và các doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua nguyên liệu phục vụ nhu cầu xuất khẩu cho dịp Noel và năm mới. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20, 30 con/kg tăng 5.000 đ/kg so với tháng 11 lên tương ứng 220.000 đ/kg, 195.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg giữ mức 150.000 đ/kg. Giá tôm thẻ cỡ 60, 70 con/kg giữ mức 115.000 đ/kg, 110.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 8.000 đ/kg lên 90.000 đ/kg.

Cũng như nhiều mặt hàng nông sản khác, đại dịch COVID-19 đã tác động khá mạnh tới mặt hàng thủy sản của nước ta do dịch bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên toàn cầu đã khiến cho tiêu thụ thủy sản giảm, xu hướng tiêu dùng thay đổi, đơn đặt hàng giảm từ 35% đến 50%. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, xuất khẩu thủy hải sản các loại của Việt Nam giảm liên tục trong hai quý đầu năm nay. Tuy nhiên, bước sang quý III, do xuất khẩu thủy sản bắt đầu hồi phục với mức tăng trong tháng 9/2020 đạt trên 12% so với cùng kỳ năm ngoái, thị trường cá tra và tôm xuất khẩu và trong nước có dấu hiệu hồi phục. Mặc dù vậy, vào tháng cuối của năm 2020 thị trường của 2 mặt hàng này đều giảm sau khi có sự kiểm soát nhập khẩu của thị trường Trung Quốc

Theo VASEP, xuất khẩu thủy sản nửa đầu năm gặp khó khăn lớn do Covid-19, nhưng nhờ phục hồi và tăng trưởng tốt trong những tháng cuối năm nên có thể năm nay

kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt 8,58 tỷ USD tương đương năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm tăng 12,4%, đạt 3,78 tỷ USD.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản sẽ không tăng về lượng trong thời gian tới. Cơ cấu mặt hàng sẽ vẫn sẽ chuyển sang những sản phẩm thủy sản đông lạnh, đóng hộp, tiện dụng ở nhà, dễ chế biến... Về cơ cấu thị trường sẽ có sự thay đổi lớn do tác động từ các rào cản thương mại và phi thương mại cũng như các FTA song phương và đa phương. Ngoài ra dịch Covid – 19 đang làm ảnh hưởng tới nguồn cung thủy sản của các nhà cung cấp thủy sản cho Nhật Bản cũng sẽ ảnh hưởng tới cơ cấu thị trường cung cấp thủy sản trong thời gian tới. Tính chung 11 tháng năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới Nhật Bản đạt 167,18 nghìn tấn với trị giá 1,3 tỷ USD, giảm 7,5% về lượng và 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. 11 tháng năm 2020 có 365 doanh nghiệp Việt Nam tham gia xuất khẩu thủy sản tới Nhật Bản. Đối với mặt hàng tôm, xuất khẩu của Việt Nam tới Nhật Bản trong những tháng năm 2021 sẽ phải cạnh tranh mạnh với tôm của Ấn Độ đang có mức giá thấp hơn hẳn do chi phí sản xuất tôm ở Ấn Độ thấp hơn. Hiện Việt Nam đang là nhà cung cấp tôm lớn nhất cho Nhật Bản và có nhiều lợi thế từ FTA song phương với Nhật Bản đối với mặt hàng tôm. (2) Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới Mỹ trong thời gian tới sẽ tăng mạnh do nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản của Mỹ tăng và hai sản phẩm chủ lực của Việt Nam là cá tra và tôm có mức giá phù hợp với đa số người tiêu dùng. (3) Dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong những tháng năm 2021 chỉ tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020. Phía Trung Quốc siết chặt kiểm soát hàng thủy sản nhập khẩu về chất lượng, kiểm dịch và thủ tục sẽ khiến cho hoạt động xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc những tháng năm 2021 có thể bị chậm ở một số thời điểm. Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt rõ các quy định, thủ tục để giảm thiểu rủi ro. (4) Trong quý I/2021 cần đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng tôm ở dạng đông lạnh tới những thị trường lớn có nhu cầu cao như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU và Nga. Cần đặc biệt lưu ý các thủ tục để được hưởng ưu đãi thuế từ các FTA để tăng tính cạnh tranh về giá đối với những sản phẩm tôm của những đối thủ cạnh tranh như Ấn Độ, Thái Lan và Indônêsi. Đối với thị trường Trung Quốc, mặt hàng tôm hùm sống và tôm khô đang có nhu cầu lớn nên các doanh nghiệp cần lưu ý đặc biệt đảm bảo chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của thị trường Trung Quốc ở hai mặt hàng này. (5) Đối với mặt hàng cá ngừ, nguồn cung cá ngừ bị ảnh hưởng lớn trong tháng 10/2020 vì những cơn bão đã tác động tới khả năng xuất khẩu cá ngừ trong những tháng cuối năm 2020. Tuy nhiên tình hình xuất khẩu mặt hàng này trong quý I/2021 sẽ có nhiều cơ hội tăng trưởng hơn khi nguồn cung dần trở lại ổn định. Các doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý tới nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này ở thị trường Ai Cập và Ixraen. (6) Đối với mặt hàng cá tra, nguồn cung cá tra đang dần ổn định, đầu ra cho sản phẩm cá tra cũng ít bị gián đoạn như giai đoạn quý II và quý III/2020. Giai đoạn đầu năm 2021 là thời điểm để các

doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đẩy mạnh xuất khẩu cá tra hơn nữa tới những thị trường lớn và truyền thống.

### 11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 12 năm 2020 ước đạt 1,3 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ cả năm 2020 đạt 12,32 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc là các thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 (chiếm 78,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ). So với cùng kỳ năm 2019 trong 11 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh tại các thị trường: Hoa Kỳ (tăng 1,6 tỷ USD tương đương tăng 34%), Canada (tăng 24,7 triệu USD tương đương tăng 14,4%), Ôxtrâyliia (tăng 15,4 triệu USD tương đương tăng 11,1%), Thái Lan (tăng 7,1 triệu USD tương đương tăng 19,1%) và Bỉ (tăng 5,4 triệu USD tương đương tăng 15,1%). Ngược lại, trong 11 tháng đầu năm 2020 một số thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm mạnh như Anh (giảm 77 triệu USD tương đương giảm 27,1% so với cùng kỳ năm 2019), Pháp (giảm 18,7 triệu USD tương đương giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2019).

16

Như vậy, mặc dù đối mặt nhiều khó khăn như tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên thế giới, thiên tai bão lũ trong nước, các cáo buộc về nguồn gốc nguyên liệu gỗ nhưng kết thúc năm 2020 ngành gỗ vẫn đạt được những kết quả khả quan, về kim ngạch xuất khẩu đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra (ước đạt 12,32 tỷ USD so với mục tiêu 12,5 tỷ USD). Kết quả này cho thấy sự nỗ lực, sáng tạo của người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các đơn vị quản lý nhà nước trong việc tận dụng các lợi thế do các hiệp định thương mại tự do mới mang lại; đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, tiếp thị (đa dạng mẫu mã, tiến hành tiếp thị online qua các triển lãm trực tuyến, tìm kiếm phát triển thị trường mới...); và kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh trong nước, hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp vượt qua khó khăn do dịch bệnh.

Giá trị nhập khẩu tháng 12/2020 ước đạt 300 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu cả năm 2020 đạt 2,57 tỷ USD, tăng 0,9% so với năm 2019. Trong 11 tháng đầu năm 2020, 32,7% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ thị trường Trung Quốc, 12,7% từ thị trường Hoa Kỳ và 5% từ thị trường Thái Lan. Trong khi nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 từ thị trường Trung Quốc tăng trưởng 29,1%, Thái Lan tăng 10,5% thì nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ lại giảm 6,9%.

**Một số nhận định và dự báo:** Với dự báo về kinh tế chung của thế giới và Việt Nam năm 2021 sẽ hồi phục và đạt được mức tăng trưởng tốt, đặc biệt khi vaccine



COVID-19 được đưa vào sử dụng trên diện rộng. Ngành gỗ được kỳ vọng đạt mức tăng trưởng tốt nếu tiếp tục phát huy sự sáng tạo, đổi mới như trong bối cảnh đại dịch COVID-19, đồng thời thực thi nghiêm các quy định về nguồn gốc gỗ nguyên liệu, tránh các gian dối về xuất xứ hàng hóa, giảm các rủi ro về phòng vệ thương mại của các nước nhập khẩu; Đồng thời, bảo vệ, phát triển các vùng nguyên liệu trong nước, quy hoạch và phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

## MỘT SỐ THAY ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG

1. Thông báo phân bổ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu gạo trong khuôn khổ Hiệp định Việt Nam - EAEU

Thực hiện việc phân bổ hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng gạo theo cam kết tại Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu; ngày 08 tháng 9 năm 2020, Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á - Âu (EEC) đã ban hành Quyết định số 110 về phân bổ hạn ngạch nhập khẩu gạo Việt Nam cho từng nước thành viên thuộc Liên minh Á - Âu trong năm 2021, cụ thể như sau:

HS	CH Armenia	CH Belarus	CH Kazakhstan	CH Kyrgyzstan	LB Nga
1006 30 6701 1006 30 9801	400	9.600	0	0	0

*Đơn vị: tấn*

Thông tin chi tiết xem tại đây <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/thong-bao-phan-bo-han-ngach-thue-quan-nhap-khau-gao-trong-khuon-kho-hiep-dinh-viet-nam-eaeu-21208-22.html>

18

2. Quy định mới của EU về các sản phẩm hữu cơ dành cho các nhà xuất khẩu ngũ cốc, đậu và hạt có dầu

Vào tháng 1/2021, Liên minh châu Âu sẽ đưa ra một bộ quy tắc mới theo quy định (EU) số 2018/848. Theo thông cáo báo chí của Hội đồng châu Âu, quy định mới này sẽ đảm bảo cạnh tranh công bằng, đồng thời cũng sẽ ngăn chặn gian lận và nâng cao lòng tin của người tiêu dùng. Quy định mới không chỉ kiểm soát việc sử dụng thuốc trừ sâu trong các sản phẩm, mà còn liên quan đến quản lý đất và sản xuất thực phẩm. Bộ quy tắc đơn nhất này cũng sẽ áp dụng cho các nông dân ngoài EU xuất khẩu sản phẩm hữu cơ của họ sang thị trường EU.

Chi tiết tại: <https://vietnordic.com/2020/12/quy-dinh-moi-cua-eu-ve-cac-san-pham-huu-co-danh-cho-cac-nha-xuat-khau-ngu-coc-dau-va-hat-co-dau/> ./.